

Bản án số: 09 / 2020/ HNGĐ - ST  
Ngày: 25/ 9/ 2020  
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Vũ Nhật Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Vũ Văn Chiến và ông Đinh Quang Tuy.
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Hải Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên toà:** Bà Đỗ Thị Huyền Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Hà Thị T - Sinh năm 1969.  
Địa chỉ: Xóm T2, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
  - **Bị đơn:** Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1968.  
Địa chỉ: Xóm T 2, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- Tại phiên tòa có mặt chị Hà Thị T và anh Bùi Văn T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Bùi Văn Th có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 28 tháng 10 năm 1993 tại UBND thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, anh chị không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, trong quá trình chung sống chị đã làm mất giấy đăng ký kết hôn nên không còn để cung cấp cho Tòa án. Đến tháng 11 năm 1993 vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ anh Th ở xã Thụy Li, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình để sinh sống. Đến khoảng cuối năm 1995 thì vợ chồng chuyển về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã Khánh C, tỉnh Ninh Bình để sinh sống. Đến khoảng đầu năm 1996 vợ chồng lại quay ra Thái Bình để sinh sống. Đến tháng 5 năm 1997 vợ chồng lại quay về xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, để xây dựng

nhà ở và làm việc kể từ đó cho đến nay. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ khi đăng ký kết hôn đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, hay thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ đầu năm 2020 anh chị cãi nhau nhiều hơn và còn đánh nhau. Do vậy nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

**Về con:** Chị và anh Th có 2 người con chung, cháu tên là Bùi Chí L, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1994, hiện nay cháu L đã trưởng thành tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu giải quyết; còn cháu Bùi Hà T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008, nay chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng trong bản tự khai và tại buổi hòa giải ngày 12 tháng 8 năm 2020 và 11 tháng 9 năm 2020 chị thay đổi không yêu cầu anh Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, về con riêng chị và anh Th không ai có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản:** Chị Hà Thị T trình bày: Chị và anh Th thống nhất để tự thỏa thuận về tài sản, do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là anh Bùi Văn Th trình bày: Anh và chị T có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 28 tháng 10 năm 1993 tại UBND thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, nhưng anh chị không tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi đăng ký kết hôn đến tháng 5 năm 1997 do vợ chồng cãi nhau nên chị T đã xé giấy đăng ký kết hôn, nên anh không còn để cung cấp cho Tòa án. Anh và chị T sinh sống trong huyện Hòn Đất được khoảng 1 tháng thì về tỉnh Thái Bình sinh sống cùng bố mẹ anh. Cuối năm 1995 vợ chồng lại chuyển về nhà bố mẹ của chị T, tại xã Khánh C, huyện Yên Khánh để sinh sống. Đến khoảng đầu năm 1996 anh chị lại quay ra Thái Bình sinh sống. Đến tháng 5 năm 1997 anh chị lại quay về xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xây dựng nhà ở, sinh sống và làm việc từ đó cho đến nay. Trong cuộc sống vợ chồng thỉnh thoảng có cãi nhau, nhưng mâu thuẫn của vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để dẫn đến ly hôn, do vậy anh không đồng ý ly hôn với chị Hà Thị T.

**Về con:** Anh và chị T hiện tại có 2 người con chung, cháu Bùi Chí L, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1994, hiện nay cháu L đã trưởng thành tự lập được cuộc sống; cháu Bùi Hà T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008, nếu trường hợp vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cháu T theo yêu cầu của cháu để chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, nếu chị T không có khả năng nuôi dưỡng cháu, thì anh đề nghị Tòa án giao cháu T cho anh nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành tự lập được cuộc sống, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho anh, về con riêng anh và chị T không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản:** Anh nhất trí theo quan điểm của chị T để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia về tài sản, vì vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản cho anh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện chị Hà Thị T. xử cho ly hôn với anh Bùi Văn Th. Về con: Giao cháu Bùi Hà T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 cho chị Hà Thị T, được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho chị T và có quyền đi lại thăm nom con chung. Về án phí chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về con đối với anh Bùi Văn Th, có địa chỉ tại xã Khánh C, huyện Yên Khánh. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Yên Khánh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Hà Thị T và anh Bùi Văn Th đều khai nhận anh chị được tự do tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 10 năm 1993 tại UBND thị trấn Hòn Đ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, nhưng anh chị không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm, hay thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn trở nên căng thẳng từ đầu năm 2020 anh và chị không còn tôn trọng và luôn có sự nghi ngờ nhau trong cuộc, bản thân anh Th thừa nhận vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh muốn vì con vợ chồng về đoàn tụ, anh không nhất trí ly hôn, song anh không đưa ra được phương hướng khắc phục, qua các lần Tòa án hòa giải thì anh Th và chị T luôn trách nhau, không thể hiện sự hòa hợp. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị T và anh Th trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Song xét về hôn nhân của chị T và anh Th thấy rằng anh chị đều khai nhận có đăng ký kết hôn tại huyện Hòn đất, tỉnh Kiên Giang, song qua kết quả ủy thác thu thập chứng cứ thì tại biên bản xác minh ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn đất, tiến hành xác minh tại thị trấn Hòn đất cung cấp: Sổ lưu hộ tịch năm 1993 hiện tại đã thất lạc nên không biết việc chị T và anh Th có đăng ký kết hôn hay không. Mặt khác chị T và anh

Th thừa nhận anh chị có đăng ký kết hôn, song do mâu thuẫn nên giấy kết hôn đã bị xé, nên không còn lưu giữ. Mặt khác căn cứ theo giấy khai sinh của các cháu đều thể hiện chị T và anh Th là vợ chồng và là bố mẹ của các con. Căn cứ theo quy định của luật hộ tịch thì chỉ khi có đầy đủ căn cứ xác định là vợ chồng thì mới làm được thủ tục khai sinh cho con có tên bố và mẹ. Do đó có căn cứ để khẳng định chị T và anh Th đã kết hôn, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định chị T chung sống với anh Th cho đến nay không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên Tòa anh Th có ý kiến nay chị T cương quyết ly hôn anh cũng chấp nhận theo quan điểm của chị T. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị T xin ly hôn với anh Bùi Văn Th là phù hợp.

**[3] Về con:** Chị T và anh Th có 2 người con chung, đối với cháu Bùi Chí L, sinh năm 1994, nay đã trưởng thành và tự lập được cuộc sống nên chị T, anh Th không yêu cầu giải quyết; còn cháu Bùi Hà T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008, nay cháu T có nguyện vọng được ở cùng với chị T và anh Th cũng nhất trí. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con. Giao cháu Bùi Hà T cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho chị, song trong quá trình Tòa án giải quyết chị T xin thay đổi, không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, xét thấy việc chị không yêu cầu là tự nguyện nên về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Th không đặt ra. Về con riêng chị T và anh Th không có nên không xem xét giải quyết.

**[4] Về tài sản:** Trong quá trình Tòa án giải quyết chị T và anh Th đều xác định để tự thỏa thuận, phân chia về tài sản, chị T và anh Th không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

**[5] Về án phí:** Chị Hà Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên**

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hà Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Bùi Văn Th.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Bùi Văn Th.

- Về con: Giao cháu Bùi Hà T, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2008 cho chị Hà Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Bùi Văn Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu T cho chị Hà Thị T và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Hà Thị T và anh Bùi Văn Th đều xác định để tự thỏa thuận phân chia nên không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hà Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002207 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBNDTT Hòn Đ- Kiên Giang.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung**